

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Số 1198/QĐ-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; số 1225/QĐ-BVHTTDL ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên (có Danh mục cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (BTP);
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC<sub>(NTVA)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Minh Phú**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH ĐIỆN BIÊN**  
(Kèm theo Quyết định số                   /QĐ-UBND ngày                    tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                         | Thời hạn giải quyết                                    | Địa điểm thực hiện                                                                                            | Phí/ lệ phí    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|     |                                                                                                                                |                                                        |                                                                                                               |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
| I   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH                                                                                                    |                                                        |                                                                                                               |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 1   | Lĩnh vực Báo chí                                                                                                               |                                                        |                                                                                                               |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 1.1 | Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử (đối với cơ quan báo chí của địa phương). | 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường | Không quy định | - Luật Báo chí số 103/2016/QH13.<br><br>- Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn việc cấp giấy phép hoạt động báo in, tạp chí in và báo điện tử, tạp chí điện tử, xuất bản thêm ấn phẩm, thực hiện hai loại hình báo chí, mở chuyên trang của báo điện tử và tạp chí điện tử, xuất bản phụ trương, xuất bản bản tin, xuất bản đặc san.<br><br>- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | x                   | Một phần   | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 2   | Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử                                                                           |                                                        |                                                                                                               |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 2.1 | Chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy                                                                    | 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp                       | - Trung tâm Phục vụ hành chính công                                                                           | Không quy định | - Luật Báo chí số 103/2016/QH13;<br><br>- Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | x                   | Một phần   | x    | x            | Kể từ ngày ký     |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                              | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm thực hiện                                                     | Phí/ lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|     |                                                                                                                                                     |                       |                                                                        |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
|     | phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (cho cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố). | nhận chính thức hồ sơ | tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;</li> <li>- Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy Chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP;</li> <li>- Thông tư số 05/2023/TT-BTTTT ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-BTTTT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các biểu mẫu Tờ khai đăng ký, Đơn đề nghị cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận, Giấy phép và Báo cáo nghiệp vụ theo quy định tại Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình;</li> <li>- Nghị định số 342/2025/NĐ-CP ngày 26/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quảng cáo;</li> <li>- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt</li> </ul> |                     |            |      |              |                   |

| STT       | Tên thủ tục hành chính                      | Thời hạn giải quyết                                      | Địa điểm thực hiện                                                                                        | Phí/ lệ phí    | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|-----------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|           |                                             |                                                          |                                                                                                           |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
|           |                                             |                                                          |                                                                                                           |                | giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                     |            |      |              |                   |
| <b>II</b> | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>            |                                                          |                                                                                                           |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |            |      |              |                   |
| <b>1</b>  | <b>Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành</b>   |                                                          |                                                                                                           |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |            |      |              |                   |
| 1.1       | Khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm. | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường | Không quy định | - Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;<br>- Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản;<br>- Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản;<br>- Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật xuất bản và Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xuất bản.<br>- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân | x                   | Một phần   | x    | x            | Từ ngày 01/7/2026 |

| STT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí/ lệ phí | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|-----|------------------------|---------------------|--------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|     |                        |                     |                    |             |                                                                                                                                                                                                               | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
|     |                        |                     |                    |             | quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.<br>- Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. |                     |            |      |              |                   |

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                    | Địa điểm thực hiện                                                                                             | Phí/ lệ phí    | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                               | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|     |                                                                                                                          |                                                        |                                                                                                                |                |                                                                                                                                             | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
| I   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH                                                                                              |                                                        |                                                                                                                |                |                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 1   | Lĩnh vực Báo chí                                                                                                         |                                                        |                                                                                                                |                |                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 1.1 | Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí (đối với cơ quan báo chí của địa phương). | 10 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận chính thức hồ sơ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br><br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | Không quy định | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 2   | Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành                                                                                       |                                                        |                                                                                                                |                |                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 2.1 | Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh).                                                                                | 05 ngày làm việc kể từ ngày                            | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;                                                            | Không quy định | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của                                                                                           | x                   | Toàn trình | x    | x            | Từ ngày 01/7/2026 |

| STT      | Tên thủ tục hành chính                                       | Thời hạn giải quyết                                              | Địa điểm thực hiện                                                                                         | Phí/ lệ phí              | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                               | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|----------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|          |                                                              |                                                                  |                                                                                                            |                          |                                                                                                                                             | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
|          |                                                              | <i>nhận đủ hồ sơ theo quy định.</i>                              | - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.                                                        |                          | Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.                                                   |                     |            |      |              |                   |
| 2.2      | Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh). | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.         | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | Không quy định           |                                                                                                                                             | x                   | Toàn trình | x    | x            | Từ ngày 01/7/2026 |
| <b>3</b> | <b>Lĩnh vực Du lịch</b>                                      |                                                                  |                                                                                                            |                          |                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 3.1      | Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.            | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 1.000.000 đồng/giấy phép | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 3.2      | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.                     | 08 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra.                 | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 50.000 đồng/thẻ          |                                                                                                                                             | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 3.3      | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.                      | 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được                            | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;                                                        | 162.500 đồng/thẻ         |                                                                                                                                             | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                          | Thời hạn giải quyết                                                       | Địa điểm thực hiện                                                                                         | Phí/ lệ phí                                                                                                                                      | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                               | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|     |                                                                                 |                                                                           |                                                                                                            |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                             | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
|     |                                                                                 | <i>hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i>                                       | - Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường.                                                        |                                                                                                                                                  |                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 3.4 | Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.                                         | <i>08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i> | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 162.500 đồng/thẻ                                                                                                                                 |                                                                                                                                             | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 3.5 | Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa. | <i>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i>   | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 162.500 đồng/thẻ                                                                                                                                 |                                                                                                                                             | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 3.6 | Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.                                             | <i>05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, đúng quy định.</i>   | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | - 162.500 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa;<br>- 50.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |

| STT  | Tên thủ tục hành chính                                                                      | Thời hạn giải quyết                                | Địa điểm thực hiện                                                                                         | Phí/ lệ phí          | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|      |                                                                                             |                                                    |                                                                                                            |                      |                                               | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
| 3.7  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.           | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 1.000.000 đồng/hồ sơ |                                               | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 3.8  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 1.000.000 đồng/hồ sơ |                                               | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 3.9  | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.  | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 1.000.000 đồng/hồ sơ |                                               | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| 3.10 | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.            | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 1.000.000 đồng/hồ sơ |                                               | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |

| STT                                         | Tên thủ tục hành chính                                                           | Thời hạn giải quyết                                      | Địa điểm thực hiện                                                                                         | Phí/ lệ phí          | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                               | Cách thức thực hiện |            |      |              | Hiệu lực thi hành |
|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|------|--------------|-------------------|
|                                             |                                                                                  |                                                          |                                                                                                            |                      |                                                                                                                                             | Trực tiếp           | Trực tuyến | BCCI | Phi địa giới |                   |
| 3.11                                        | Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ       | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | 1.000.000 đồng/hồ sơ |                                                                                                                                             | x                   | Toàn trình | x    | x            | Kể từ ngày ký     |
| <b>II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b>         |                                                                                  |                                                          |                                                                                                            |                      |                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| <b>1 Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành</b> |                                                                                  |                                                          |                                                                                                            |                      |                                                                                                                                             |                     |            |      |              |                   |
| 1.1                                         | Xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã).                                          | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | Không quy định       | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | x                   | Toàn trình | x    | x            | Từ ngày 01/7/2026 |
| 1.2                                         | Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã).                       | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Điện Biên;<br>- Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường. | Không quy định       |                                                                                                                                             | x                   | Toàn trình | x    | x            | Từ ngày 01/7/2026 |

*Phần chữ thường in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

| STT | Mã thủ tục hành chính       | Tên thủ tục hành chính                                                                                              | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ                                                                                                             | Hiệu lực thi hành                     | Ghi chú                                                           |
|-----|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| I   | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH |                                                                                                                     |                                                                                                                                             |                                       |                                                                   |
| 1   | Lĩnh vực Văn hóa            |                                                                                                                     |                                                                                                                                             |                                       |                                                                   |
| 1.1 | 1.000963.000.00.00.H18      | Cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.                                         | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 11/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| 1.2 | 1.000922.000.00.00.H18      | Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường.                                       |                                                                                                                                             | Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 28/02/2027 |                                                                   |
| 1.3 | 1.001029.000.00.00.H18      | Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke.                                                              |                                                                                                                                             | Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| 1.4 | 1.001008.000.00.00.H18      | Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường.                                                            |                                                                                                                                             | Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 28/02/2027 |                                                                   |
| 2   | Lĩnh vực Báo chí            |                                                                                                                     |                                                                                                                                             |                                       |                                                                   |
| 2.1 | 1.013786.H18                | Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương. | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 2.2 | 1.013787.H18                | Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương.        |                                                                                                                                             | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 |                                                                   |
| 2.3 | 1.013783.H18                | Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản                                          |                                                                                                                                             | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 |                                                                   |

|     |                                                      |                                                                                             |                                                                                                                                             |                                       |                                                                   |
|-----|------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
|     |                                                      | thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương.                                        |                                                                                                                                             |                                       |                                                                   |
| 2.4 | 2.001171.000.00.00.H18                               | Cho phép hợp báo trong nước (địa phương).                                                   |                                                                                                                                             | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| 2.5 | 2.001173.000.00.00.H18                               | Cho phép hợp báo nước ngoài (địa phương).                                                   |                                                                                                                                             | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 |                                                                   |
| 3   | Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành                   |                                                                                             |                                                                                                                                             |                                       |                                                                   |
| 3.1 | 1.003725.000.00.00.H18                               | Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương).                        | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 1483/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| 3.2 | 1.003114.000.00.00.H18                               | Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm.                                |                                                                                                                                             | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 894/QĐ-UBND ngày 28/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| 3.3 | 1.008201.000.00.00.H18                               | Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm.                            |                                                                                                                                             | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 |                                                                   |
| 3.4 | 1.004260.H18                                         | Cấp lại giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.                             |                                                                                                                                             | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 13/5/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh.  |
| 4   | Lĩnh vực Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử |                                                                                             |                                                                                                                                             |                                       |                                                                   |
| 4.1 | 1.014861.H18                                         | Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo (cấp tỉnh). | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | Từ ngày 20/5/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
| II  | THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP XÃ                 |                                                                                             |                                                                                                                                             |                                       |                                                                   |

|   |              |                                                                                                      |                                                                                                                                             |                                       |                                                                  |
|---|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1 | 1.014475.H18 | Nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử về cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke. | Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh. | Từ ngày 01/7/2026 đến ngày 28/02/2027 | Quyết định số 772/QĐ-UBND ngày 14/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh. |
|---|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------------------------------------|